

SỬ DỤNG MÔ HÌNH KINH TẾ LƯỢNG ĐỂ PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

USING THE ECONOMETRIC MODEL TO ANALYZE THE INFLUENCE OF THE FACTORS ON BUSINESS EFFECTIVENESS OF THE FARMS IN THE SOUTHERN CENTRAL COASTAL REGION

ĐÀO HỮU HOÀ

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Kinh doanh trang trại dựa trên việc khai thác các tiềm năng về đất đai, lao động, tiền vốn, kinh nghiệm sản xuất của nông dân để làm giàu. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố trên đến hiệu quả kinh doanh của trang trại không giống nhau. Việc phân lập được mức độ ảnh hưởng này sẽ giúp cho các nhà quản lý đưa ra chính sách phù hợp, các chủ trang trại đưa ra các quyết định sử dụng các nguồn lực đúng đắn hơn. Bài báo này sử dụng các mô hình kinh tế lượng để phân tích quan hệ giữa hiệu quả kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng trong trang trại. Kết quả cho thấy nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất là vốn đầu tư và lao động và ít ảnh hưởng nhất là quy mô diện tích. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động của trang trại, thúc đẩy kinh tế trang trại (KTTT) phát triển cần hướng vào giải quyết vấn đề vốn, lao động chứ không phải là vấn đề đất đai.

ABSTRACT

Farm business is based on the potentiality of land, labour, capital, and farmer's experience. However, each factor above does not have the same effect on farm business. Analysing these factor's effect level is extremely helpful for administrators to make more appropriate policie and for farm-owners to use resources more effectively. Also, the econometric model used in this paper research is to intensively assess the relation between business effect and its relevant factors. The result shows that capital, labour are the most affecting factors instead of land size. On the basis of this finding, it is the capital and labour, not the land size, that need to be concentrated much more to improve farm business effect and economic development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trang trại là một hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp. Mục đích phát triển của các trang trại là để tăng thu nhập cho nông dân. Để đáp ứng mục đích này, chủ trang trại cần phải sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó cơ bản nhất là: đất đai, vốn đầu tư, lao động, thông tin thị trường... Trong điều kiện các nguồn lực bị hạn chế, việc "đo lường" được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố nói trên đến việc tăng thu nhập của trang trại có một ý nghĩa rất lớn trong việc đề ra các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh của trang trại cũng như các chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thúc đẩy KTTT phát triển trong tương lai.

Để trả lời câu hỏi trên, tác giả đã tiến hành thu thập thông tin cần thiết từ 423 trang trại trên địa bàn 02 tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, trong đó có: 57 trang trại trồng trọt, 48 trang trại chăn nuôi, 87 trang trại lâm nghiệp, 18 trang trại kinh doanh tổng hợp và 193 trang trại nuôi trồng thủy sản. Toàn bộ các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê chuyên dụng SPSS 13.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở các dữ liệu đã được xử lý, ngoài các phương pháp phân tích thống kê thông thường, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích hồi quy logistic, hàm phân tích phân lập, phương pháp phân

tích phương sai ANOVA (Analysis of Variance), phân tích nhân tố (Factor analysis). Cuối cùng là mô hình hoá mối liên hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng với hiệu quả kinh doanh của trang trại. Cụ thể:

Để nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của các loại hình trang trại, tác giả đã tiến hành phân tích tương quan và hồi quy thông qua việc sử dụng mô hình hồi quy bội (Multiple Regression) với 02 dạng hàm được chọn là hàm tuyến tính và hàm sản xuất Cobb-Douglas nhằm mô hình hoá mối liên hệ giữa kết quả kinh doanh của trang trại với các nhân tố ảnh hưởng cơ bản là: số năm hoạt động (SN), quy mô lao động (LD), quy mô nhân khẩu (NK), quy mô vốn đầu tư (V) và diện tích canh tác (DT). Cụ thể:

Dạng hàm tuyến tính:

$$TN = b_0 + b_1.SN + b_2.LD + b_3.NK + b_4.V + b_5.DT + \epsilon_i$$

Dạng hàm sản xuất:

$$TN = A.SN^\alpha.LD^\beta.NK^\gamma.V^\delta.DT^\lambda + \epsilon_i$$

$$\Leftrightarrow \ln(TN) = \ln(A) + \alpha.\ln(SN) + \beta.\ln(LD) + \gamma.\ln(NK) + \delta.\ln(V) + \lambda.\ln(DT) + \epsilon_i$$

Trong một số trường hợp, để tránh hiện tượng "đa cộng tuyến" giữa các biến độc lập, tác giả đã sử dụng các biến trung gian như: Vốn đầu tư/Lao động (V/LD); Diện tích/Lao động (DT/LD);...

Sử dụng phần mềm SPSS 13 bằng kỹ thuật Backward cho phép lựa chọn mô hình tối ưu trên cơ sở loại bỏ những biến có mối quan hệ yếu trong mô hình [Hair và cộng sự, 1998]. Phương pháp này còn cho phép đánh giá tầm quan trọng tương đối của các biến độc lập thông qua xem xét mức độ giảm của R^2 khi một biến được đưa ra khỏi mô hình ban đầu.

3. XÂY DỰNG MÔ HÌNH DỰ BÁO

Do có sự khác biệt về đặc điểm kinh doanh của các loại hình trang trại, do đó để nghiên cứu tác giả đã phân chia trang trại thành 06 loại khác nhau và tiến hành xây dựng các mô hình dự báo riêng cho từng loại. Kết quả như sau:

3.1. Trang trại trồng trọt

Trên cơ sở các dữ liệu điều tra, sau khi áp dụng thủ tục trên, tác giả đã lựa chọn dạng hàm sản xuất Cobb-Douglas để làm hàm dự báo vì nó cho kết quả tốt hơn.

Bảng 1: KẾT QUẢ THAY ĐỔI CỦA HỆ SỐ TƯƠNG QUAN BỘI R^2

Mô hình	Hệ số tương quan bội R	R^2	R^2 Đã điều chỉnh	Sai số tiêu chuẩn của ước lượng	Những thay đổi về mặt thống kê		
					R^2 thay đổi	F thay đổi	Sig. F thay đổi
1	,846 ^(a)	,716	,688	,31950	,716	25,701	,000
2	,844 ^(b)	,713	,691	,31820	-,003	,578	,450
3	,842 ^(c)	,709	,692	,31740	-,004	,733	,396
4	,835 ^(d)	,697	,685	,32085	-,012	2,180	,146

a Predictors: (Hằng số), Ln(SN), Ln(LD), Ln(NK), Ln(V), Ln(DT)

b Predictors: (Hằng số), Ln(SN), Ln(LD), Ln(V), Ln(DT)

c Predictors: (Hằng số), Ln(LD), Ln(V), Ln(DT)

d Predictors: (Hằng số), Ln(LD), Ln(V)

e Biến độc lập: Ln(TN)

Các thông tin ở Bảng 1 cho thấy các tham số thống kê của mô hình khi tất cả các biến được đưa vào và dần loại bỏ các biến ít có quan hệ. Kết quả cho thấy mối quan hệ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập trong cả 04 mô hình đều có hệ số tương quan khá cao, với R^2 nhận các giá trị từ 0,697 đến 0,716 và luôn giảm khi các biến độc lập được đưa ra khỏi mô hình, tuy nhiên mức giảm rất bé. Điều này có nghĩa là các biến bị loại bỏ là những biến ít có mối quan hệ với biến phụ thuộc.

Phân tích ANOVA trên bảng 2 cho thấy, trị số (F) khá lớn, và mức ý nghĩa (Sig) rất nhỏ (0,000) trong cả 04 mô hình. Điều này cho phép kết luận có tồn tại mối liên hệ tuyến tính giữa tốc độ tăng thu

nhập của trang trại với tốc độ tăng của ít nhất một trong các biến số hoặc với tất cả các biến số độc lập đã liệt kê.

Bảng 2: PHÂN TÍCH ANOVA VÀ KIỂM ĐỊNH F

Mô hình	Tổng bình phương	Bậc tự do (df)	Bình phương trung bình	Fishe	Mức ý nghĩa (Sig.)
1 Hồi quy	13,118	5	2,624	25,701	,000(a)
Phần dư	5,206	51	,102		
Tổng số	18,324	56			
2 Hồi quy	13,059	4	3,265	32,243	,000(b)
Phần dư	5,265	52	,101		
Tổng số	18,324	56			
3 Hồi quy	12,984	3	4,328	42,963	,000(c)
Phần dư	5,339	53	,101		
Tổng số	18,324	56			
4 Hồi quy	12,765	2	6,382	62,000	,000(d)
Phần dư	5,559	54	,103		
Tổng số	18,324	56			

Qua phân tích, tác giả nhận thấy mô hình 04 với 2 biến độc lập (bảng 3) có mức ý nghĩa của kiểm định (t) khá nhỏ, từ 0,000 đến 0,040; do đó có thể nói rằng tốc độ tăng thu nhập của chủ trang trại phụ thuộc khá chặt chẽ vào tốc độ tăng quy mô lao động, tổng vốn đầu tư của trang trại.

Với hệ số R^2 khá cao ($R^2 = 0,697$), nghĩa là có đến 69,7% biến thiên (Ln) thu nhập của chủ trang trại có thể được giải thích bởi sự phụ thuộc tuyến tính vào 2 yếu tố: Ln(LD) và Ln(V), còn lại chỉ có 31,2% biến thiên này phụ thuộc vào các yếu tố khác.

Độ chấp nhận (Tolerance) của các biến rất cao, cả 02 biến đều là 0,915, hệ số VIF của các biến khá nhỏ (VIF=1,093), rất gần với 1,0 nên đảm bảo rằng không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập.

Bảng 3: CÁC HỆ SỐ CỦA MÔ HÌNH ĐƯỢC CHỌN

Mô hình	Hệ số B chưa chuẩn hoá	Hệ số chuẩn hoá		Giá trị (t)	Mức ý nghĩa (Sig.)	Kiểm định đa cộng tuyến	
		Sai số tiêu chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF
4 (Hằng số)	,620	,298		2,082	,042		
Ln(LD)	,198	,094	,165	2,103	,040	,915	1,093
Ln(V)	,767	,078	,771	9,844	,000	,915	1,093

a Biến độc lập: Ln(TN)

Với kết quả này, mô hình 04 sẽ được chọn làm mô hình dự báo thể hiện mối quan hệ tương quan giữa thu nhập của chủ trang trại với các nhân tố ảnh hưởng là lao động và vốn đầu tư với dạng hàm như sau:

$$Ln(TN) = 0,620 + 0,198.Ln(LD) + 0,767.Ln(V)$$

$$hay TN = e^{0,620} . LD^{0,198} . V^{0,767} = 1,8589.LD^{0,198} . V^{0,767}$$

Mô hình cho thấy thu nhập của trang trại trồng trọt hầu như không có quan hệ gì với số lượng nhân khẩu trong gia đình chủ trang trại, số năm hoạt động và đặc biệt là quy mô đất đai. Trong khi đó,

thu nhập của trang trại lại chủ yếu phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư và lao động, trong đó quan trọng nhất là vốn đầu tư vì Hệ số tương quan chuẩn hoá (beta) của $\ln(V)$ là 0,771, lớn hơn rất nhiều so với 0,165 của $\ln(LD)$.

Mô hình cho thấy: thu nhập của các trang trại trồng trọt sẽ tăng thêm 0,198% nếu lao động tăng thêm 1%, và sẽ tăng thêm 0,767% nếu vốn đầu tư tăng thêm 1%.

Như vậy, mức tăng thu nhập của trang trại ở DHNTB tương quan thuận với tốc độ tăng của quy mô lao động, của tổng vốn hoạt động nhưng hầu như không có quan hệ rõ ràng với tốc độ tăng quy mô diện tích.

3.2. Trang trại chăn nuôi

Tương tự, để nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của trang trại chăn nuôi, tác giả đã tiến hành phân tích tương quan và hồi quy giữa thu nhập của trang trại với các nhân tố ảnh hưởng là: quy mô nhân khẩu (NK), quy mô vốn đầu tư (V), mức đầu tư vốn/lao động (V/LD), và diện tích canh tác (DT).

Kết quả cho phép lựa chọn mô hình với 3 biến độc lập có mức ý nghĩa của kiểm định (t) khá nhỏ (Sig. từ 0,000 đến 0,012); do đó có thể nói rằng thu nhập của chủ trang trại phụ thuộc khá chặt chẽ vào tỷ lệ tăng quy mô vốn đầu tư, số lượng nhân khẩu và mức đầu tư vốn trên lao động của trang trại.

Mô hình dự báo cuối cùng được xây dựng thể hiện các mối quan hệ như sau:

$$\ln(TN) = 0,664 + 0,351 \cdot \ln(NK) + 0,771 \cdot \ln(V) - 0,319 \cdot \ln(V/LD)$$
$$\text{hay } TN = e^{0,664} \cdot NK^{0,351} \cdot V^{0,771} \cdot (V/LD)^{-0,319} = 1,9425 \cdot NK^{0,351} \cdot V^{0,771} \cdot (V/LD)^{-0,319}$$

Mô hình cho thấy: thu nhập của trang trại chăn nuôi sẽ tăng thêm 0,351% nếu số nhân khẩu tăng thêm 1%; tăng thêm 0,771% nếu vốn đầu tư tăng thêm 1%, nhưng thu nhập sẽ giảm 0,319% nếu vốn đầu tư/lao động tăng thêm 1%.

Rõ ràng là thu nhập của trang trại chăn nuôi hầu như không có quan hệ gì với tỷ lệ tăng quy mô đất đai. Trong khi đó, thu nhập của trang trại lại chủ yếu phụ thuộc vào tỷ lệ tăng quy mô vốn đầu tư và lao động, trong đó quan trọng nhất là vốn đầu tư vì Hệ số tương quan chuẩn hoá (beta) của $\ln(V)$ là 0,541, lớn hơn rất nhiều so với 0,297 của $\ln(NK)$ và 0,252 của $\ln(V/LD)$.

Như vậy, mức tăng thu nhập của chủ trang trại ở DHNTB tương quan thuận với mức tăng của quy mô nhân khẩu, của tổng vốn hoạt động nhưng lại tương quan nghịch với tỷ lệ tăng mức độ trang bị vốn đầu tư trên lao động và hầu như không có quan hệ rõ ràng với tỷ lệ tăng quy mô diện tích.

Sở dĩ có tình trạng này là vì công việc của các trang trại chăn nuôi rất đa dạng, hầu hết người nhà đều tham gia vào công việc chăm sóc vật nuôi chứ không riêng gì lao động chính. Mặt khác, do trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý trong các trang trại chăn nuôi còn hạn chế nên nơi có mức đầu tư trên lao động càng cao, chủ yếu là các trang trại chăn nuôi tập trung, nhưng do việc chọn giống, chăm sóc, vệ sinh chưa tốt, chi phí thức ăn cao nên hiệu quả theo quy mô có xu hướng giảm dần.

3.3. Trang trại nuôi trồng thủy sản

Kết quả phân tích cho thấy mô hình với 2 biến độc lập có mức ý nghĩa của kiểm định (t) khá nhỏ, (Sig từ 0,000 đến 0,043); do đó có thể nói rằng thu nhập của chủ trang trại (kỳ vọng khi thành lập trang trại của chủ trang trại) phụ thuộc khá chặt chẽ vào quy mô vốn đầu tư và diện tích mặt nước bình quân trên lao động của trang trại.

Mô hình dự báo cuối cùng được xây dựng thể hiện các mối quan hệ như sau:

$$TN = 75,053 + 58,931 \cdot DT/LD + 0,665 \cdot V$$

Mô hình cho thấy: thu nhập của trang trại nuôi trồng thủy sản sẽ tăng thêm 58,931 triệu đồng nếu số diện tích nuôi trồng thủy sản bình quân/lao động tăng thêm 1,0 ha; thu nhập sẽ tăng thêm 0,665 triệu nếu vốn đầu tư tăng thêm 1,0 triệu.

Như vậy, thu nhập của trang trại nuôi trồng thủy sản hầu như không có quan hệ gì với quy mô nhân khẩu. Trái lại, thu nhập của trang trại chủ yếu phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản/lao động, trong đó quan trọng nhất là vốn đầu tư vì Hệ số tương quan chuẩn hoá (beta) của nó (V) là 0,807, lớn hơn rất nhiều so với 0,201 của DT/LD .

3.4. Trang trại sản xuất giống thủy sản

Để nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của trang trại sản xuất giống thủy sản, bằng thủ tục Backward của SPSS cho phép xây dựng mô hình dự báo như sau:

$$TN = 24,551 + 22,117.LD + 26,683.TD + 0,263.Vc + 0,678.Vv$$

Mô hình cho thấy: thu nhập của trang trại sản xuất giống thủy sản sẽ tăng thêm 22,117 triệu đồng nếu tăng thêm 01 lao động; tăng thêm 0,678 triệu nếu tăng thêm 1,0 triệu vốn vay; tăng thêm 0,263 triệu nếu tăng thêm 1,0 triệu vốn chủ sở hữu và sẽ tăng thêm 26,683 triệu đồng nếu chủ trang trại là người có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên so với người không được đào tạo.

Có thể thấy rằng, thu nhập của trang trại sản xuất giống thủy sản hầu như không có quan hệ với quy mô nhân khẩu, điều này hoàn toàn phù hợp với loại hình kinh doanh này vì công việc đòi hỏi trình độ kỹ thuật rất cao, chỉ những người có chuyên môn mới làm được. Trái lại, thu nhập của trang trại chủ yếu phụ thuộc vào quy mô đầu tư của vốn chủ sở hữu và vốn vay, quy mô lao động và trình độ của chủ trang trại, trong đó quan trọng nhất là quy mô lao động (Hệ số tương quan chuẩn hoá $\beta = 0,370$), tiếp đến là quy mô vốn vay ($\beta = 0,252$), quy mô vốn chủ sở hữu ($\beta = 0,222$) và ít quan trọng nhất là trình độ của chủ trang trại ($\beta = 0,140$).

3.5. Trang trại kinh doanh tổng hợp

Để nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của trang trại kinh doanh tổng hợp, ta tiến hành phân tích tương quan và hồi quy bằng thủ tục Backward cho phép lựa chọn dạng hàm tuyến tính để làm hàm dự báo vì nó cho kết quả tốt hơn.

Mô hình dự báo cuối cùng được xây dựng thể hiện các mối quan hệ như sau:

$$TN = -7,71 + 8,066.NK - 3,311.(DT/LD) + 3,196.(V/LD)$$

Mô hình cho thấy: thu nhập của trang trại kinh doanh tổng hợp sẽ tăng thêm 8,066 triệu đồng nếu tăng thêm 01 nhân khẩu; tăng thêm 3,196 triệu nếu mức đầu tư vốn/lao động tăng thêm 1,0 triệu đồng và thu nhập sẽ giảm đi 3,311 triệu đồng nếu diện tích bình quân/lao động tăng thêm 1,0 ha.

Có thể thấy rằng thu nhập của trang trại kinh doanh tổng hợp chủ yếu phụ thuộc vào quy mô đầu tư vốn/lao động, quy mô diện tích/lao động và số lượng nhân khẩu trong gia đình của chủ đầu tư, trong đó quan trọng nhất là quy mô vốn đầu tư/lao động (Hệ số tương quan chuẩn hoá $\beta = 0,524$), tiếp đến là quy mô diện tích/lao động ($\beta = 0,353$) và ít quan trọng nhất là số lượng nhân khẩu trong gia đình chủ trang trại ($\beta = 0,328$).

Đối với các trang trại kinh doanh tổng hợp, biến thiên thu nhập tương quan thuận với số lượng nhân khẩu, mức đầu tư vốn/lao động nhưng tương quan nghịch với quy mô diện tích/lao động. Tức là, nếu diện tích bình quân/lao động càng tăng thì thu nhập của trang trại càng giảm. Điều này được giải thích bởi sự khan hiếm vốn đầu tư, khi diện tích bình quân tăng lên sẽ dẫn đến mức đầu tư vốn trên đơn vị diện tích canh tác giảm xuống, làm giảm thu nhập, vì thu nhập có quan hệ tương quan thuận rất chặt chẽ với mức đầu tư.

3.6. Trang trại lâm nghiệp

Đối với trang trại lâm nghiệp, kết quả xử lý đã đưa đến mô hình tối ưu mô tả mối quan hệ giữa thu nhập và các nhân tố ảnh hưởng như sau:

$$TN = -10,095 + 3,185.N + 2,229.NK + 1,725.LD + 0,225.Vv$$

Với hệ số tương quan bội $R = 0,729$, $R^2 = 0,531$ cho phép giải thích được 53,1% sự biến thiên của thu nhập trong các trang trại lâm nghiệp phụ thuộc vào 04 nhân tố (NK: số nhân khẩu; N: số năm hoạt động; LD: số lao động và Vv: vốn nay); 46,9% mức độ ảnh hưởng đến thu nhập là từ các nhân tố khác không phân lập được.

Mô hình dự báo cho thấy, thu nhập của trang trại lâm nghiệp tăng lên theo số năm hoạt động với mức tăng bình quân 3,185 triệu đồng/năm, điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế của các trang trại lâm nghiệp đó là thời gian càng dài thì khả năng tạo ra thu nhập càng lớn. Trong khi đó việc tăng thêm một nhân khẩu sẽ làm tăng thu nhập lên thêm 2,229 triệu đồng, tăng thêm một lao động trong trang trại lâm nghiệp chỉ làm tăng thêm 1,725 triệu đồng thu nhập. Sở dĩ có tình trạng này là vì trong các trang trại lâm nghiệp, lao động làm thuê chủ yếu tập trung vào giai đoạn thiết kế cơ bản ban đầu nên ít tạo ra thu nhập, trong khi đó hầu hết các trang trại lâm nghiệp đều áp dụng hình thức kinh doanh "lấy ngắn, nuôi dài" nên tạo điều kiện cho lao động phụ trong gia đình phát huy tác dụng. Đối với nhân tố vốn đầu tư, việc tăng thêm 1,0 triệu đồng vốn vay sẽ làm tăng thu nhập thêm 0,225 triệu đồng, nhưng việc tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu lại không có mối quan hệ rõ ràng nào với thu nhập.

Tương tự, kết quả phân tích thống kê cũng cho thấy thu nhập của trang trại lâm nghiệp không có mối quan hệ rõ ràng với: giới tính, thành phần, trình độ của chủ trang trại, diện tích.

Nếu xét ở tầm quan trọng của các nhân tố đến thu nhập, quy mô lao động lại là nhân tố có tầm ảnh hưởng lớn nhất (hệ số beta chuẩn hoá = 0,445); số năm hoạt động ảnh hưởng mạnh thứ hai (beta = 0,312); vốn vay ảnh hưởng thứ ba (beta = 0,224) và cuối cùng là số năm thành lập (beta = 0,193).

4. KẾT LUẬN

Qua số liệu điều tra thực tế, bằng việc sử dụng các mô hình kinh tế lượng để nghiên cứu mối quan hệ giữa thu nhập của trang trại với các nhân tố ảnh hưởng, tác giả đã rút ra được một số kết luận như sau:

- Các nhân tố cơ bản có ảnh hưởng đến thu nhập của trang trại là vốn, lao động, đất đai, nhân khẩu, số năm hoạt động và trình độ chủ của trang trại. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của các nhân tố không giống nhau, có những nhân tố tác động mạnh đến thu nhập của loại hình trang trại này nhưng lại không có hoặc có tác động yếu đến loại hình trang trại khác. Các kết luận này là tương đối giống với kết quả nghiên cứu do "Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn" tiến hành vào năm 2006 và được công bố trong tài liệu "Phân tích thu nhập của hộ nông dân do thay đổi hệ thống canh tác ở Đồng Bằng Sông Hồng"[1, 89-95].

- Trong các nhân tố ảnh hưởng, vốn đầu tư là nhân tố có tác động mạnh nhất đến thu nhập của tất cả các loại hình trang trại. Vì vậy việc đảm bảo nguồn vốn kinh doanh sẽ là nhân tố quan trọng nhất đến việc thúc đẩy hình thành và phát triển của trang trại trong tương lai. Nếu so sánh với đồng bằng Sông Hồng, có sự khác biệt nhất định vì tại khu vực này đất đai lại là nhân tố quan trọng nhất rồi mới tới vốn và cuối cùng là lao động [1, 89].

- Nhân tố lao động là nhân tố quan trọng thứ hai, tuy nhiên hầu hết các mô hình đều đưa ra kết quả là thu nhập của trang trại biến thiên theo sự thay đổi của quy mô lao động nhưng không có quan hệ rõ ràng với sự thay đổi về trình độ của chủ trang trại. Các phân tích cũng cho thấy, quy mô nhân khẩu có ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của các loại hình trang trại chăn nuôi, kinh doanh tổng hợp và lâm nghiệp, mặc dù mức độ tương quan không cao.

- Quy mô đất đai không phải là nhân tố ảnh hưởng lớn đến thu nhập, mặc dù nó là nhân tố điều kiện để hình thành trang trại. Kết quả phân tích từ việc xây dựng các mô hình cho thấy: trong nhiều loại hình trang trại, quy mô đất đai ít có ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không rõ ràng đối việc tăng thu nhập, thậm chí còn tương quan nghịch với thu nhập. Sở dĩ có tình trạng này chủ yếu là do trình độ sản xuất của trang trại còn thấp, thiếu vốn đầu tư, khả năng quản lý hạn chế, thị trường nhỏ bé nên khi quy mô diện tích tăng lên, chủ trang trại không còn khả năng kiểm soát hiệu quả, nguồn lực bị dàn trải, chi phí sản xuất tăng trong khi năng suất có xu hướng giảm dẫn đến thu nhập giảm.

Các kết quả nghiên cứu trên cho phép gợi ý đối với chính quyền các cấp trong quá trình hoạch định chính sách thúc đẩy phát triển Kinh tế trang trại trên địa bàn DHNTB trong tương lai là: cần nhấn mạnh đến việc hoàn thiện thể chế nhằm mở rộng thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường tiêu thụ hơn là việc mở rộng thị trường đất đai trong nông nghiệp. Các kết quả nghiên cứu cũng cho phép đưa ra khuyến cáo đối với các chủ trang trại là không nên tập trung mở rộng quy mô diện tích mà nên tập trung đầu tư vốn theo chiều sâu sẽ có khả năng mang lại hiệu quả cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn (2006), "Phân tích thu nhập của hộ nông dân do thay đổi hệ thống canh tác ở Đồng bằng sông Hồng", Hà Nội.
- [2]. Tổng cục Thống kê (2005), "Niên giám thống kê 2004", Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [3]. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2003), "Kinh tế lượng", Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [4]. Kết quả điều tra về Kinh tế trang trại trên địa bàn Quảng Ngãi (2004).
- [5]. Kết quả điều tra về Kinh tế trang trại trên địa bàn Quảng Nam (2004).